

ĐỜI SỐNG TÂM LINH CỦA CON NGƯỜI TRONG TRUYỆN VIỆT NAM SAU 1975

Nguyễn Văn Kha¹

TÓM TẮT

Từ rất sớm, con người đã đi tìm ý nghĩa sự sống, cái chết. Cùng với việc khám phá, cắt nghĩa, lý giải những hiện tượng đời sống, ở một phương diện khác, là việc tôn kính, ngưỡng mộ, thiêng liêng hóa những giá trị của đời sống dựa trên cơ sở đời sống tâm linh (spirit).

Truyện (truyện ngắn, tiểu thuyết) Việt Nam sau 1975 phản ánh những hiện tượng đời sống theo cách nghĩ, cách đánh giá gắn với tâm thức truyền thống đó của dân tộc.

Bài viết trình bày những biểu hiện của đời sống tâm linh trong truyện Việt Nam sau 1975 ở ba điểm:

1. Tổ quốc, gia đình, những người có công với cộng đồng, dân tộc trở thành biểu tượng thiêng liêng.
2. Nhà văn thể hiện cái thiêng liêng trong cuộc sống đời thường.
3. Đi vào đời sống tâm linh, người nghệ sĩ đạt đến sự “giác ngộ”, hướng vào “đại ngã” của lòng người.

Từ khóa: *Truyện Việt Nam sau 1975, Tâm linh, Tổ quốc, Tổ tiên, Gia đình, Thiêng liêng hóa.*

1. MỞ ĐẦU

Sẽ là không toàn diện nếu đề cập đến đời sống con người trong văn học hiện đại Việt Nam sau 1975 mà không nói đến đời sống tâm linh. Đời sống hàng ngày thường xảy ra hiện tượng: người đang sống trong cõi dương gian nghĩ về kiếp sau của mình, giao cảm với thế giới bên kia. Trong giấc mơ, có người gặp gỡ nói chuyện với người đã khuất. Hoặc, khi gặp những việc nan giải đòi hỏi phải có những quyết định quan trọng liên quan đến cuộc đời, số phận của mình hay của nhiều người; trước những tình huống căng thẳng, phải lựa chọn, phải cân nhắc, ta như nghe được tiếng nói từ bên trong của chính mình. Người Việt có tục thờ cúng ông bà, tổ tiên, trong từng gia đình đều có bàn thờ gia tiên. Hàng năm, có ngày giỗ những người đã khuất. Những lúc giỗ chạp, ngày lễ, ngày Tết..., thấp nén nhang cầu nguyện trước anh linh của tổ tiên, ông bà, mỗi người đều cảm thấy trong sâu thẳm tâm hồn mình có một góc thiêng liêng. Đó là những

hiện tượng có thật, mỗi người tự chứng nghiệm. Khi đề cập đến vấn đề này có ý kiến cho là mê tín dị đoan, vì rằng, đây là những điều khoa học không chấp nhận, hoặc chưa giải thích được về mặt khoa học. Nhưng đây là bí ẩn, thuộc về đời sống tâm linh mà truyện Việt Nam sau 1975 đề cập và trong thực tế đời sống ta vẫn thường hay bắt gặp.

Có nhiều định nghĩa và ý kiến bàn về tâm linh. Chúng tôi chỉ dẫn những ý kiến làm chỗ dựa cho việc trình bày cách hiểu của mình trong phạm vi vấn đề đời sống tâm linh mà chúng tôi xem xét.

Trong sách *Văn hóa tâm linh* của Nguyễn Đăng Duy, khái niệm tâm linh được hiểu: “Tâm linh là cái thiêng liêng cao cả trong cuộc sống đời thường, là niềm tin thiêng liêng trong cuộc sống tín ngưỡng tôn giáo. Cái thiêng liêng cao cả, niềm tin thiêng liêng ấy được đọng lại ở những biểu tượng, hình ảnh, khái niệm” [12, 1996, tr.14]. Nguyễn Đăng

¹ PGS.TS Nguyễn Văn Kha – Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

Duy cho rằng có phần thiêng liêng trong ý thức con người và “niềm tin tâm thức cũng là niềm tin thiêng liêng”. “Mà đã thiêng liêng thì chẳng ai dám khinh nhờn, chẳng ai bỏ được, ai cũng phải trân trọng. Mọi biểu tượng thiêng liêng đều chứa đựng những giá trị cao cả, giá trị thẩm mỹ” [12, 1996, tr.16].

Bằng sự mô tả các biểu hiện của đời sống tâm linh, những chủ đề, đề tài quen thuộc trở nên hấp dẫn trong truyện Việt Nam sau 1975.

Bài viết vận dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành, với 2 phương pháp nghiên cứu chính: phương pháp lịch sử - xã hội và hướng tiếp cận văn hóa học, để khảo sát tác phẩm văn học thuộc thể loại truyện (bao gồm truyện ngắn và tiểu thuyết) giai đoạn sau 1975. Cách tiếp cận này giúp người nghiên cứu xem xét, nhà văn thể hiện sự ứng xử và được ứng xử ở bình diện tâm linh của con người gắn với hoàn cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội trong tác phẩm như thế nào. Qua đó thấy được đặc điểm, ý nghĩa của đời sống tâm linh trong truyện Việt Nam giai đoạn khảo sát, sự đóng góp của nhà văn ở thể loại truyện trong việc phản ánh hiện thực đời sống con người.

2. NỘI DUNG

2.1. Tổ quốc, gia đình, những người có công với cộng đồng, dân tộc trở thành biểu tượng thiêng liêng

Đọc *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* của Nguyễn Minh Châu, người đọc ám ảnh bởi chi tiết: chị Quỳ - người nữ quân y, trong một lần đi kiểm tra hành trang của các tử sĩ cất giấu trong hang đá, tình cờ gặp những trang nhật ký của các chiến sĩ trẻ đã hy sinh. Đọc trang nào, chị cũng gặp tên mình. Quỳ đã xúc động áp những dòng nhật ký vào ngực và gọi lên những từ thiêng liêng như: Tổ quốc, Đất nước: “Tôi chợt nghĩ đến những chữ vô cùng trù phú tượng và thiêng liêng như Đất nước, Tổ quốc... Tôi lại còn hình dung đến làng quê của

từng anh với những người thân sống chung dưới một mái nhà, những bờ đê, một khúc sông ngẫu phù sa chảy qua làng, một lối ngõ, tiếng tre kéo kệt và màu hoa xoan tím rắc li ti trên vạt đất ẩm và chiếc gàu sắt tây chạm vào thành giếng khơi kêu lanh canh” [6, 1983, tr.20]. Khi con người gặp hoàn cảnh thiêng liêng, điều tâm niệm sâu sắc, ăn sâu vào tiềm thức được bật ra; khi điều ngưỡng mộ, ôm ấp có nguy cơ bị đe dọa hay bị đánh mất, trong bản năng sống từng con người, từng cộng đồng, tín điều đó được thức dậy, trở thành biểu tượng thiêng liêng, vì nó người ta có thể đánh đổi cả sinh mạng để gìn giữ. Phải chăng ở hoàn cảnh đó, đời sống bên trong của chị Quỳ đã thức dậy những gì thật sâu kín mà ta gọi là cõi tâm linh, những điều thiêng liêng và cao cả nhất? Vì điều đó mà những người trẻ tuổi cố gắng hiến cả tuổi xuân của mình, hy sinh những năm tháng đẹp nhất của mình cho nó.

Nhân vật lão Toan (*Mảnh đất tình yêu* - Nguyễn Minh Châu) cũng như thế. Nếu tổ ấm gia đình không phải là thiêng liêng nhất, nếu mái ấm gia đình không phải là yếu tố đã đi vào tiềm thức của mỗi người Việt Nam mà khi mất nó, anh trở nên bơ vơ, trở thành “hạt bụi”, bị cuốn vào đại dương đầy ba động của cuộc đời, thì lão Toan không thể “thức tỉnh” sau chuyến đi đào rác, gặp một gia đình cũng bị giặc sát hại như gia đình lão, rồi chạnh lòng mà buồn mà khổ... Như vậy: “tình yêu đối với gia đình làm cho người ta thoát khỏi thói vị kỷ, khỏi sự cô lập cá nhân, chấp nhận các bổn phận và trách nhiệm, là một hình thức đáng quý của tính tâm linh thật” [3, 1997, tr.298].

Đời sống tâm linh của cộng đồng không gì xa lạ ngoài những biểu hiện thường ngày, là phần thân thuộc, gần gũi với đời sống vật chất, đời sống tinh thần của con người, đã đi vào đời

sống tình cảm, tâm hồn con người, thậm chí trở thành những sự ràng buộc. Nhưng khi được coi trọng, giữ gìn, nó trở nên thiêng liêng, cao cả, được đặt ở chỗ sâu kín nhất trong đời sống tinh thần của con người mà ta gọi là cõi tâm linh. Trong tâm thức của người Việt, những người chết vì nghĩa cả bao giờ cũng được ngưỡng mộ, tôn kính. Vì thế, những người có công với dân, với nước, những người làm ích nước lợi dân đều được lập bàn thờ. Họ được nhân dân phong thánh. Liễu Hạnh, ngoài cuộc đời, được nhân dân tôn sùng một cách thành kính là Thánh Mẫu. Trần Hưng Đạo được phong thánh và có đền thờ (đền thờ Đức Thánh Trần). Trong *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, người đọc bắt gặp cách nghĩ, cách đánh giá về sự hy sinh, cống hiến gắn với tâm thức truyền thống đó của người Việt. Hình ảnh những người lính trong trung đoàn K. đã hy sinh vì độc lập của tổ quốc, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân, đã in đậm trong tiềm thức của Quỳ. Họ xứng đáng được ngưỡng mộ và tôn kính. Hiểu như thế mới cắt nghĩa được trường hợp Quỳ xúc động trước sự hy sinh của những chiến sĩ trẻ trong trung đoàn K. trong *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*. Trên đường đi công tác, khi đi ngang qua một ngôi chùa, bắt gặp pho tượng ngàn tay ngàn mắt, Quỳ đã nghĩ đến tập thể những người lính trong trung đoàn K.: “Tôi đứng ngẩn ngơ trước bức tượng hồi lâu, rồi y như có một thứ tâm linh nào đó mách bảo cho tôi biết, lập tức tôi nghĩ ngay đến cái trung đoàn K. và anh ấy đang ở một nơi rất xa xôi, cả hai như vừa hòa chung vào nhau trong hình ảnh một con người có ngàn mắt ngàn tay...” [6, 1983, tr.160]. Như vậy, trong ý nghĩ của Quỳ, những người đã hy sinh vì nghĩa cả trong cuộc kháng chiến anh dũng của dân tộc đã hóa thân, trở thành thiêng liêng. Ngoài việc sử dụng biểu tượng, Nguyễn Minh Châu còn

thể hiện sự giao cảm giữa người sống và người chết, giữa cõi dương và cõi âm qua sự “trở về” của tất cả bà con làng Hiền An nhân ngày giỗ trận (*Mảnh đất tình yêu*). Thực chất, Nguyễn Minh Châu bằng trực giác nhạy bén của mình, đã đưa vào tác phẩm những cảnh này để nói lên tình cảm bà con, làng xóm rất gần gũi, thân thuộc nhưng cũng rất thiêng liêng. Các thế hệ gắn kết với nhau, đùm bọc, truyền cho nhau niềm tin, nghị lực để giữ gìn và xây dựng những mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người, hướng về những điều mơ ước mà vì nó bao thế hệ nối tiếp nhau cùng theo đuổi, cùng chịu gian khó, hy sinh để thực hiện: “Những lớp người đã chết nhưng những điều mơ ước còn lại mãi mãi” [7, 1987, tr.199].

2.2. Sự thiêng liêng trong cuộc sống đời thường

Một nét đặc trưng của cư dân văn hóa gốc nông nghiệp là đời sống tâm linh con người hướng về tự nhiên, sùng bái tự nhiên. Trong cuốn *Huyền thoại đất phương Nam*, những người đi mở đất mang theo tập quán bản địa đến vùng đất mới. Bốn chàng trai Lâm Tứ, Trần Nghĩa, Tiểu Cần, Lỗ Điền không quên cái lễ đầu tiên khi đặt chân lên vùng đất mới là cúng Thổ Công: “...bây giờ tôi xin cầu Trời – Đất, nếu Trời – Đất cho, chúng ta sẽ bắt đầu từ đây... Nói rồi, Tiểu Cần lấy bốn cây nhang, đặt ở bốn hướng Đông, Tây, Nam, Bắc” [10, 2002, tr.102].

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ ông bà của người Việt xuất phát từ quan niệm tổ tiên, ông bà, người thân đã khuất luôn phù hộ, giúp đỡ con cháu trong cuộc sống hàng ngày. Trong tiểu thuyết *Trong vùng tam giác sắt*, Nam Hà đã mô tả cảnh Uyliam Cuper - trung tá quân đội Mỹ, vừa là cố vấn cho lực lượng chỉ huy một quận trọng điểm hướng tây bắc Sài Gòn, vừa thu tập tài liệu làm luận án tiến sĩ về đề tài chống bạo loạn và lật đổ của Cộng sản, tới

nhà bà Hai Nê - nhân vật trong truyện có chồng là xã đội trưởng và năm con, cả trai lẫn gái là quân giải phóng. Cuper tới nhà lúc bà Hai Nê đang cúng tổ tiên. Cuper hỏi bà Hai Nê tại sao không cầu Chúa mà lại cầu cúng tổ tiên. Bà Hai Nê trả lời, bà không biết Chúa, bà không theo đạo, bà chỉ biết có tổ tiên, ông bà là những người đã sinh đẻ, nuôi dưỡng hết lớp con cháu này đến lớp con cháu khác. Tổ tiên, ông bà là những người cụ thể, những người có thật, các cụ lớn lên trên đất này, làm lụng vất vả, nuôi dạy con cái trưởng thành và qua đời trên đất này. Linh hồn các cụ vẫn ở quanh đây, ở ngay trong nhà, ở trên bàn thờ. Quan niệm của bà Hai Nê, niềm tin của bà Hai Nê, những lời cầu khẩn của bà Hai Nê với tổ tiên, ông bà mà Cuper đã nghe, đã biết làm cho viên trung tá Mỹ mất ngủ mấy đêm liền về một nét đặc trưng của văn hóa Việt Nam [6, 1988, tr.104].

Người Việt hay nói: “Có thờ có thiêng”. Ngôi nhà người Việt dù nhỏ bé, đơn sơ hay biệt thự sang trọng đều dành một vị trí thiêng liêng để đặt bàn thờ. Đó là nơi những người còn sống dành cho người đã khuất tình cảm, một góc thiêng liêng. Trong truyện ngắn *Hoa hồng độc dược*, Trầm Hương mô tả tình cảm của nhân vật dì Tư dành cho chồng con đã khuất: “Ngôi nhà nhỏ bé dù rách nát nhưng dì còn có một không gian dành cho linh hồn những người thân trở về trú ngụ. Đó là cha mẹ, anh em, chồng con dì đã ngã xuống. Đối với dì, những người ấy không chết đi, linh hồn những người thân hòa trong cơn gió chướng thổi liên hồi vào ngôi nhà không cửa, lẫn quần áo đây” [18, 2005, tr.235].

Con người sống càng sâu, càng tình nghĩa thì ấn tượng để lại trong nhau càng đậm, khó phai mờ. Những người thân thích, bạn bè của nhau, sống gần nhau thì thấy bình thường, nhưng khi xa nhau thì thấy thương, thấy nhớ. Vì sao vậy? Vì tất cả đã được ghi vào ký ức, trở thành kỷ niệm, thậm chí thiêng liêng hóa. Trong

Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành, Quỳnh yêu Hòa tha thiết nên khi Hòa mất đi, như một phần đời của Quỳnh đã ra đi vậy: “Như một con chim đã mất bạn... Đến bây giờ tôi mới hiểu được, trong tất cả mọi sự mất mát thì mất một con người là không có gì bù đắp được, không sao lấy lại được” [6, 1983, tr.156]. Và những kỷ niệm với Hòa - những sự việc hàng ngày làm Quỳnh khó chịu nhất, lại trở nên ám ảnh nhất đối với chị. Đôi tay Hòa trở thành kỷ niệm không thể thiếu được trong Quỳnh: “Dù có phải xông vào lửa đạn, dù có phải dùng hai bàn chân trần dẫm lên vách đá tai mèo, dù có phải lặn xuống tận đáy biển khơi hay băng qua sa mạc cháy bỏng, dù có phải đi khắp cùng trời cuối đất, thì tôi cũng không từ nan, tôi cũng xông đi, nếu lấy về được để trả lại cho anh ấy đôi bàn tay luôn luôn dập dính mồ hôi” [6, 1983, tr.153]. Kỷ niệm về “đôi bàn tay luôn luôn dập dính mồ hôi và nụ cười bí ẩn” của Hòa trước lúc hy sinh đã đi vào ký ức của Quỳnh, cho nên khi gặp pho tượng Phật ngàn tay ngàn mắt ở một ngôi chùa trên đường đi công tác, Quỳnh nghĩ ngay đến đôi tay và nụ cười bí ẩn của “Anh ấy”: “Tôi nâng vạt áo quân phục dính đầy dầu mỡ của tôi lên lau sạch những lớp bụi bám trên một ngàn bàn tay, nhưng vừa chạm tới, vạt áo tôi đã ướt đầm mồ hôi, y như mồ hôi người cứ dập dính toát ra từ chất gỗ.

Tôi sợ hãi lùi ra xa, ngược nhìn khuôn mặt: tự nhiên tôi bỗng hoảng hốt khi nhận ra đang phảng phất trên cặp môi bằng gỗ, vẫn cái nụ cười ấy, cái nụ cười bí ẩn mà tôi đã trông thấy rất nhiều lần hiện lên trên cặp môi Anh ấy trước khi chết” [6, 1983, tr.161-162].

Lối sống trọng tình nghĩa, trọng đạo lý làm nên cung cách ứng xử duy trì đời sống văn hóa cộng đồng người Việt từ bao đời nay. Nét văn hóa cao đẹp này đã được các nhà văn thể hiện trong truyện Việt Nam sau 1975. Ở nhiều hoàn cảnh, lối ứng xử cao đẹp đó được nhà văn thiêng liêng hóa. Trong truyện ngắn *Bàn*

thờ tổ của một cô đào, Nguyễn Quang Sáng đã thể hiện tình cảm thiêng liêng của một diễn viên cải lương với người đã giúp cô hàng đêm hoàn thành vai diễn. Trân trọng tình nghĩa với người đã vì mình mà hy sinh, Thanh Sa đã khắc ghi vào nơi sâu kín nhất tình cảm cao đẹp đó. Cô lập bàn thờ cho Châu (người kéo dây giúp cô bay lên khi vở diễn kết thúc). Cô coi đó là “bàn thờ tổ” của riêng mình [23, 1990].

Trong cuộc sống hàng ngày, những bậc làm cha mẹ hoặc ông bà luôn nhắc nhở con cháu sống đúng truyền thống đạo lý. Nét văn hóa ứng xử này được nhà văn thể hiện trong quan hệ của nhân vật Long (tiểu thuyết *Canh năm - Lê Thành Chơn*) với người thân đã khuất. Trong những lúc khó khăn nhất, anh luôn được linh hồn người cha quá cố chỉ dạy về những điều đúng sai trong cuộc sống: “Làm trai phải dám làm những việc người khác không dám làm... Đồng tiền do mình làm ra mới là đồng tiền sạch” [11, 2005, tr.138]. Lời khuyên thiêng liêng đó giúp anh tìm được chính mình. Anh cảm thấy lòng nhẹ nhàng, trong sáng. “Đêm, anh nằm mơ..., anh thấy ông cụ vuốt đầu anh âu yếm. Ông gật đầu hài lòng. Nhìn ánh mắt dịu dàng, tha thiết yêu thương, anh nhói lên một cảm giác, ông là ruột thịt của mình..., thì ra cha anh vẫn ở bên cạnh. Anh hiểu ra và dần dần anh thấy rất rõ những điều ông cụ nói: “mình phải tìm cho được chính mình” [11, 2005, tr.141].

Bằng việc mô tả giấc mơ của nhân vật, nhà văn giúp người đọc cảm nhận: ý thức về đạo lý đã giúp con người giữ gìn danh tiết, nâng con người lên trong cuộc sống đời thường.

2.3. Bằng việc thể hiện đời sống tâm linh trong truyện Việt Nam sau 1975, người nghệ sĩ đạt đến sự “giác ngộ”, hướng vào “đại ngã” của lòng người

2.3.1. Thế giới tâm linh xuất hiện khi con người đối diện với chính mình, đôi khi là sám hối

Trong *Mảnh đất lắm người nhiều ma*, nhân vật

Hàm sau khi cùng với em trai là bí thư đảng ủy xã bày ra mưu kế giành giật quyền lực, đẩy vợ (bà Son) đến chỗ uất ức mà tự tử. Đêm đêm, ông Hàm thường thấy hồn ma bà hiện về, như có ánh sáng rơi vào những vùng u tối của tâm can lão. Khi thì: “Bà ấy ghé sát vào màn nhìn vào tận mắt mà hỏi: Vậy cuối cùng ông được những gì? Hà? Tôi chết đi để xem ông được những gì?” [29, 1994, tr.353].

“Khi thì bà nhìn ông bằng cái nhìn ai oán, bồng rât; ông có biết làm sao tôi phải trầm mình không? Không phải tại ông hết cả đầu!” [29, 1994, tr.362].

Hiện tượng trên đây khiến ta dễ dàng đồng ý với ý kiến của Chu Quốc Bình nói về tâm linh: “Tâm linh là một quyển sổ ghi nợ đặc biệt, chỉ có thu không có chi. Mọi sung sướng và đau khổ của cuộc đời đều hóa thành những thể nghiệm quý giá ghi vào cột thu nhập của nó. Thật vậy, ngay đến đau khổ cũng là một loại thu nhập. Con người dường như có hai “tự ngã”, một “tự ngã” ra cuộc đời phấn đấu, tìm kiếm, có thể khải hoàn, cũng có thể trở về thất bại; một “tự ngã” nữa nở nụ cười lạnh lẽ, đón nhận cái “tự ngã” bê bết máu và mồ hôi, vừa cười, vừa khóc về nhà, cho người ta, kể cả những người thất bại trở về, được nhìn tận mắt những chiến lợi phẩm rung rinh kèm theo” [5, 1996]. Như vậy, tâm linh còn là nơi cất giữ những kinh nghiệm đã lắng đọng, lùi vào tiềm thức, như là nơi thu nhận và xử lý những tín hiệu để bảo tồn và điều chỉnh cuộc sống và mọi hoạt động của con người. Vì thế, tâm linh hết sức nhạy cảm, hết sức tinh tế với mọi biểu hiện của cuộc sống hàng ngày như những đau thương mất mát, những tổn thương, ám ảnh tinh thần của con người. Trong *Mảnh đất tình yêu*, *Khách ở quê ra*, *Phiên chợ Giát* (Nguyễn Minh Châu), có những con người cống hiến hết mình, sống hết mình cho quê hương xứ sở. Ấy vậy, nhưng họ vẫn bị ám ảnh về nỗi sợ. Ông ngoại của Quy, lão Bờ (*Mảnh đất tình yêu*) -

những người từng trải, nhưng lại rất sợ “con sóng vô hình ập đến”. Khúng (*Khách ở quê ra, Phiên chợ Giát*) cảnh giác với chủ tịch Bời... Kinh nghiệm sống của những con người ở một vùng đất thường xuyên bị thiên tai, giặc giã tàn phá, giết chóc đã hình thành trong họ bản năng sống, bản năng tự vệ. Đối với thiên nhiên (biển cả), với những người có chút quyền hành (như ông chủ tịch Bời – *Khách ở quê ra*), họ vừa thấy gần gũi, thân quen, nhưng cũng phải cảnh giác. Vì kinh nghiệm sống từ đời này sang đời khác thường xuyên nhắc nhở họ về nguy cơ cuộc sống bị tàn phá, của cải bị cướp bóc, con người bị tàn sát, đè nén, tất cả đã được ghi vào tiềm thức, nằm ở nơi sâu kín nhất - ở cõi tâm linh. Đọc *Mảnh đất tình yêu* của Nguyễn Minh Châu, người đọc cảm thông với nỗi dằn vặt của Hoa, khi cô nhìn thấy màu da, ánh mắt của mình khác với những người xung quanh. Hoa đã liên tưởng đến người lính Mỹ đã từng gây bao đau khổ cho nhiều gia đình lại là bố của mình. Ta cảm thông với sự mặc cảm, e dè của Tảo (*Mảnh đất tình yêu*), của những người làm đường lạc lối như Năm De (*Kẻ lang bạt trở về* - Võ Phi Hùng); hiểu nỗi dằn vặt của ông tướng Phương, của Linh (*Ranh giới đời thường* - Hoàng Lại Giang), của Bùi Việt Pháo (*Đò ơi!* - Nguyễn Quang Lập), sự mặc cảm của Phương (*Nỗi buồn chiến tranh* - Bảo Ninh), v.v... Đi vào ngõ ngách sâu kín của đời sống tinh thần con người, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải, Hoàng Văn Bốn, Dương Hương, Nguyễn Trọng Oánh, Nam Hà, Nguyễn Trí Huân, Bảo Ninh, Chu Lai, Lê Minh Khuê, Khuất Quang Thụy, Xuân Thiều, Trung Trung Đĩnh, Hoàng Lại Giang, Khôi Vũ, Nguyễn Quang Lập, Võ Phi Hùng... đã chạm đến vết thương sâu nhất mà cuộc chiến tranh hôm qua còn để lại trên đất nước này. Đó chính là những khắc khoải, đau đớn của các nhân vật chính trong *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, *Cỏ Lau*, *Nỗi buồn chiến tranh*, *Chim én bay*, *Ăn mày dĩ vãng*, *Đò ơi!*, *Tiếng lục lạc*, v.v... được

thể hiện nổi bật ở phương diện tâm linh. Ý thức được sự phức tạp trong đời sống tinh thần con người Việt Nam, thông cảm với những dằn vặt tận nơi sâu kín nhất của những người bị thất thế, bị hãm oan, những người không gặp thời, không gặp may, bất kể trước đó họ là ai, đã từng làm những việc gì, nhà văn Nguyễn Khải trong bản tham luận nhân kỷ niệm 50 năm ngày thành lập nước (1945-1995) có viết: “*Những khắc khoải đau đớn trong lựa chọn, trong thất bại và cô đơn không hiểu sao lại rất quen thuộc và thân thiết với tôi, giúp tôi xây dựng các tính cách được tự nhiên và chân thật*” [19, 1995].

2.3.2. Nhờ sự chân thành và sáng suốt, nhà văn cảm nhận được ánh sáng từ thế giới bên trong con người, như sự mách bảo của tâm linh

Ở những trường hợp này “có thể cảm nhận được trạng thái xuất thần, cảm giác viên mãn tuyệt vời. Và điều kiện, tức những không gian thiêng liêng giúp con người trực nghiệm cảm giác tạo sức mạnh vô hình” [12, 1996, tr.42].

Đọc *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, hình tượng người nữ quân y Quỳ gây ấn tượng trong người đọc không chỉ ở quan hệ tình cảm sâu nặng giữa chị và người trung đoàn trưởng tài ba đã ám ảnh trong ý nghĩ của Quỳ: “anh ấy quyết tâm làm một thánh nhân”, mà còn ở sự bao dung, năng lực thực tiễn của người phụ nữ tưởng như rất khó lý giải, rất khó hiểu về động cơ hành động của chị, nếu như nhà văn không đụng đến vùng sâu thẳm nhất, nơi chất chứa những điều vừa thiêng liêng vừa cao cả là cõi tâm linh. Giữa những ngày đạn bom tàn sát sự sống, hàng ngàn thương binh ứ đọng nơi mặt trận, chị Quỳ bỗng nhận ra “...và trong một lúc, tôi hiểu được như thế nào là những người đàn bà. Tôi hiểu được chính tôi bấy lâu nay. Tôi đã trông thấy, trong một phút, tất cả cái phần sâu thẳm như một thứ thiên phú riêng của tâm hồn những người đàn bà chúng

tôi: đó là bản năng chăm lo, bảo vệ lấy sự sống của con người - do chính chúng tôi mang nặng đẻ đau sinh ra. Đó là tình thương người bẩm sinh của nữ tính - sợi dây thần kinh đặc biệt nhạy cảm của nữ giới chúng tôi” [8, 1994, tr.187]. Nhà văn I. V. Bondarev (Nga) đã có một câu chuyện viết về nữ tính rất hay trong cuốn *Nhà văn bàn về nghề văn*. Nhà văn kể rằng: lúc đầu tham gia cuộc chiến tranh (chiến tranh vệ quốc 1941 - 1945), ông rất ngạc nhiên trước hành động quả quyết của một nữ Hồng quân (bắn chết một lính Đức bị bắt làm tù binh). Nhưng khi tìm hiểu về người chiến sĩ Hồng quân này, nhà văn hiểu ra rằng, chính cô đã bị bốn tên lính Đức hãm hiếp, lãng nhục rồi trả tự do cho cô chịu nhục suốt đời. Hành động của cô gái bắt nguồn từ lòng căm thù, từ danh dự bị tổn thương. Trong chiến tranh vệ quốc, để tự vệ, có biết bao cách phản ứng khác nhau, trong đó không thể loại trừ những phản ứng vì bị kích động hay vì bị tổn thương về tình cảm (câu chuyện của nhà văn I. V. Bondarev là một ví dụ). Nhưng hành động của Quý quả là một ứng xử từ sự thôi thúc của bản năng sống, bản năng bảo tồn, như Freud quan niệm. Trong chiến tranh ở Việt nam, biết bao con người đã vượt qua sự tàn phá, giết chóc để hướng tới sự hòa nhập, yêu thương. Nhắc đến điều này để chứng tỏ rằng con người Việt nam trong chiến tranh là những con người mang khát vọng hòa bình, khát vọng yêu thương hòa hợp đi vào cuộc chiến đấu. Nói như Roberto Assagioli: “Kiến tạo hòa bình không phải là một sự xa xỉ tâm linh, mà là một sự cần thiết hàng ngày đối với những ai muốn duy trì tính toàn vẹn nội tâm không muốn mình bị đảo lộn bởi những làn sóng khuấy động tập thể, hoảng hốt và bạo lực” [3, 1997, tr. 427]. Điều này lý giải vì sao hàng triệu bà mẹ, hàng triệu người vợ phải chấp nhận sự xa cách, sự gian khổ trong đó có cả sự hy sinh chồng, con trong hai cuộc kháng chiến. Mục

đích của sự chịu đựng gian khó, hy sinh là để đổi lấy hòa bình, là chấm dứt chiến tranh, để hướng tới sự hòa hợp, yêu thương - một nguồn hạnh phúc bắt nguồn từ vùng sâu thẳm của đời sống, từ cõi tâm linh của nữ giới. Lý giải về điểm này, nhà thơ Đức Rainer Maria Rilke viết: “Người đàn bà chứa đựng trong họ một đời sống bột phát tự nhiên hơn, phong nhiên hơn, đầy tin tưởng hơn là người đàn ông, nhất định đàn bà chín mùi hơn, gần gũi với nhân tính hơn là đàn ông - đàn ông kênh kiệu, náo nức, thiếu kiên nhẫn, bỏ quên giá trị của điều mình tin yêu, vì đàn ông không sống tận vùng sâu thẳm của đời sống như đàn bà qua trái kết trong lòng họ” [22, 1996]. Những người phụ nữ “sống tận vùng sâu thẳm của đời sống” như Thai trong *Cỏ lau*, sư bà Thiện Linh trong *Mùa trái cóc ở miền Nam* (Nguyễn Minh Châu), vượt lên số phận nhiều đau khổ, oan khuất của đời mình. Từ họ tỏa ra vẻ đẹp vĩnh hằng của nhân tính. Trong truyện *Cỏ lau* của Nguyễn Minh Châu, đi bên Thai, một sĩ quan dạn dày trận mạc như Lục thú nhận: “Tôi biết rằng chỉ có người đàn bà đang đi bên cạnh, giữa đáy con sông khô này mới có thể xoa dịu bao nhiêu vết thương mà chiến tranh đã để lại trong lòng tôi” [9, 1994, tr.509].

Đây là những người đã “hóa thân” cho tổ quốc, dân tộc được an bình:

Có một sự an bình vượt lên mọi sự thông hiểu

Nó nằm trong trái tim những ai sống trong cái vĩnh hằng [3, 1997, tr.430].

Cuộc đời biết bao sự việc ngổn ngang, bao điều lo toan, điều bất ngờ có thể xảy ra, lý trí không thể nắm bắt, không thể giải thích hết được. Trong *Chim én bay*, Nguyễn Trí Huân kể chuyện một đội viên du kích trên đường đi làm nhiệm vụ đã xuống biển tắm và bảo bạn: “Nóng quá, phải tắm một cái kéo chẳng bao giờ được tắm nữa” [17, 1989, tr.63]. Chỉ mấy phút sau, Dũng (người du kích) chết vì đạn

pháo kích. Và Quy, người bạn chứng kiến: “Sau này nhớ lại cứ ngạc nhiên mãi. Hình như lúc đó, Dũng đã linh cảm một điều gì và việc Dũng đột ngột bỏ xuống tấm giống như một sự từ giả” [17, 1989, tr.64]. Trong *Người đoán mộng giỏi nhất trần gian*, Phạm Thị Hoài kể lại câu chuyện người đàn bà có tài đoán mộng, trong đó có chi tiết cô gái nằm mơ thấy bông hoa huệ. Người đoán mộng đã giải đoán rằng, cô ta sẽ bị chết đuối. Và điều kinh hoàng đó đã xảy ra với cô gái, v.v...

Cuộc sống con người có bao điều thiêng liêng, huyền diệu. Hình như có một mạch ngầm nào đó chi phối đời sống của từng cá nhân, từng cộng đồng. Voltaire (1694 - 1778) nói: “Vũ trụ làm tôi bối rối và tôi không thể nào nghĩ rằng cái đồng hồ ấy tồn tại mà lại không có người thợ sửa chữa đồng hồ” [21, tr.27]. Tâm linh đã giúp con người mở rộng vòng tay giao tiếp với vũ trụ. Chẳng phải ngẫu nhiên mà ông già của vùng biển miền Trung (ông ngoại của bé Quy trong *Mảnh đất tình yêu* - Nguyễn Minh Châu), trong những ngày cuối đời nằm trên giường bệnh, đã dặn dò Phan những lời, những kinh nghiệm rút ra từ suốt một đời nếm trải những khổ ải, gian nan của nghề sông nước. Ông khuyên con cháu phải biết “thành tâm kiên nhẫn tìm hiểu”. Ông cụ dặn dò Phan: “Anh phải nên luôn nhớ rằng: nghề làm ăn của dân biển mình là nghề đấu trí, đấu lực với ông Trời. Thò tay vào tận cái rốn bể để dò tìm cái miếng ăn đâu có phải một việc dễ có thể bắt chấp Trời Đất được” [7, 1987, tr.96]. Nguyễn Huy Thiệp đã cảm nhận: “Đêm xuống, trên trời trăng sao chi chít. Tôi bỗng hoảng hốt y hệt buổi chiều khi ráng mờ gà đột nhiên phản chiếu, tôi nhận ra thế giới bao la vô cùng vô tận, bản thân tôi, sự sống và ngay cả cái chết đều là bé nhỏ và không có ý nghĩa gì” [27, 1995, tr.273].

3. KẾT LUẬN

Khảo sát truyện Việt Nam giai đoạn sau 1975 cho thấy phương diện đời sống tâm linh con người được khám phá ở một chiều sâu mà

ngay trước đó (giai đoạn 1945-1975) chưa đạt được. Nó làm phong phú cho quan niệm về con người và đưa lại những biến đổi quan trọng về mặt thủ pháp biểu hiện. Ý thức được ý nghĩa của đời sống tâm linh, các nhà văn như Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khắc Trường, Ma Văn Kháng, Duy Khánh, Nguyễn Dịu, Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh, Lý Lan..., coi làng quê, đồng quê, sông núi, biển, hồ...v.v... là nơi lưu giữ những giá trị cội nguồn, nơi tâm hồn con người được thanh lọc, nơi con người thật sự có một thế giới tâm linh. Các nhân vật của Nguyễn Huy Thiệp, khi đến với thiên nhiên, có thêm một đời sống khác, bí ẩn nhưng mãnh liệt vô cùng: “Sấm nổ vang trời...Chớp lóe sáng. Vũ trụ mở ra vô cùng tận...Tôi tin chắc ở lực lượng siêu việt bên trên tôi kia, đang chuyển vận rầm rộ kia, thấu hiểu tất cả, phân minh lắm, rạch ròi lắm, chắc chắn bảo dưỡng tính thiện trong tâm linh con người, có khả năng an ủi, âu yếm đến từng số phận” [27, 1995, tr.390]. Nguyễn Khắc Trường rất có lý khi ông nói rằng, trong đáy sâu tâm khảm bất cứ người Việt Nam nào đều có hình ảnh cây đa, bến nước, mái đình, lũy tre, cánh đồng làng. Tâm linh là nơi lưu giữ tình cảm cộng đồng. Nhờ có tâm linh, thế giới tinh thần của đời sống con người trở nên thiêng liêng, huyền diệu.

L. Tolstoi trong *Bàn về văn học nghệ thuật*, khi nói về văn học “vĩnh cửu” diễn tả sự thật tâm hồn con người, đã viết: “Mục đích chủ yếu của nghệ thuật, nếu như có nghệ thuật và nghệ thuật có mục đích là thể hiện, diễn tả sự thật về tâm hồn con người, diễn tả những điều bí ẩn không nói ra được bằng lời lẽ đơn giản. Vì vậy mà có nghệ thuật. Nghệ thuật là kính hiển vi mà nghệ sĩ đem soi vào những bí ẩn của tâm hồn mình rồi trình bày những bí ẩn chung cho tất cả mọi người” [16, 1997, tr. 19-20]. Phản ánh đời sống tâm linh, người nghệ sĩ cùng nhân vật của mình “tìm kiếm chân trời của

những giá trị tuyệt đối hoàn mỹ, những con người tuyệt đối hoàn mỹ” [6, 1983, tr.166]. Đó cũng là ý nghĩa của việc khám phá thế giới tinh thần, đời sống tâm linh con người trong truyện Việt Nam thời kỳ Đổi mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Thị An, (2012), “Sức ám ảnh của tín ngưỡng dân gian trong tiểu thuyết “Mẫu thượng ngàn”, <http://vienvanhoc.vass.gov.vn>, truy cập ngày 20/06/2019.
- [2] Aristốt, *Nghệ thuật thơ ca*, Tạp chí Văn học nước ngoài 6/1996, tr.180-221.
- [3] Assagioli, R. (1997), *Sự phát triển siêu cá nhân*, Nxb Khoa học xã hội.
- [4] M. Bakhtin, (1992), *Lý luận, thi pháp tiểu thuyết*, Trường viết văn Nguyễn Du xuất bản.
- [5] Chu Quốc Bình (1996), “Mỗi người đều là một vũ trụ”, Văn nghệ trẻ (15) (ra ngày 13 tháng 4)
- [6] Nguyễn Minh Châu (1983), *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, Nxb Tác phẩm mới.
- [7] Nguyễn Minh Châu (1987), *Mảnh đất tình yêu*, Nxb Tác phẩm mới.
- [8] Nguyễn Minh Châu (1994), *Tuyển tập Nguyễn Minh Châu*, Nxb Văn học.
- [9] Nguyễn Minh Châu (1994), *Cỏ lau*, Nxb Văn học.
- [10] Lê Thành Chơn (2002), *Huyền thoại đất phương Nam*, Nxb Trẻ.
- [11] Lê Thành Chơn (2005), *Canh năm* (quyển 1), Nxb Quân đội nhân dân.
- [12] Nguyễn Đăng Duy (1996), *Văn hóa tâm linh*, Nxb Hà Nội.
- [13] Freud, S, (1994), “Tại sao chiến tranh”. In trong: *Phân tâm học cái tôi ẩn dấu*. Người đưa tin UNESCO (tháng 3/1994), (phát hành ngày 27 tháng 5).
- [14] Trần Văn Giàu, (1988), *Triết học và tư tưởng*, Nxb thành phố Hồ Chí Minh.
- [15] Nam Hà (1998), “*Thờ cúng tổ tiên một nét văn hóa độc đáo của Việt Nam*”, Văn nghệ quân đội, số 7/1998.
- [16] Hoàng Ngọc Hiến (1997), *Văn học và học văn*, Nxb Văn học.
- [17] Nguyễn Trí Huân (1989), *Chim én bay*, Nxb Quân đội nhân dân.
- [18] Trần Hương (2005), *Hoa hồng độc dược*. In trong tập: *Hoa kẻo nẻo tím biếc*, Nxb Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh.
- [19] Nguyễn Khải (1995), “*Nhìn lại những trang viết của mình*”, tuần báo Văn nghệ (Hội Nhà văn Việt Nam), số 39.
- [20] Tôn Phương Lan, (2012), “*Tâm thức Việt trong “Đội gạo lên chùa”*”, <http://vienvanhoc.vass.gov.vn>, truy cập ngày 28/06/2019
- [21] Người đưa tin UNESCO, “*Thế giới bên kia*”, 3/1988.
- [22] Rilke, R.M, (1996), “*Thư gửi thi sĩ trẻ*” (bức thư số 7), Văn nghệ trẻ 14 (ra ngày 25 tháng 5).
- [23] Nguyễn Quang Sáng, (1990), *Bàn thờ tổ của một cô đào*, in trong tập 25 truyện ngắn, Nxb Thông tin, tr. 230-244.
- [24] Trần Đình Sử (2014), “*Văn học và văn hóa tâm linh*”, truy cập ngày 28/08/2019, <https://trandinhhu.wordpress.com/author/trandinhhu>
- [25] Bùi Việt Thắng, (2014), “*Dấu ấn tâm linh trong văn học Việt Nam đương đại qua một số tiểu thuyết*”, <https://phebinhvanhoc.com.vn/d>, truy cập ngày 12/06/2019.

- [26] Nguyễn Huy Thiệp (1995), *Những bài học nông thôn*, in trong tập: *Như những ngọn gió*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [27] Nguyễn Huy Thiệp (1995), *Thương nhớ đồng quê*, in trong tập: *Như những ngọn gió*, Nxb Văn học.
- [28] Nguyễn Khắc Trường (1994), *Mảnh đất lắm người nhiều ma* (tái bản), tập 2. Nxb Hội Nhà văn.
- [29] Nhiều tác giả (1983), *Nhà văn bàn về nghề văn*, Hội Văn học nghệ thuật Quảng Nam - Đà Nẵng.

SPIRITUAL LIFE IN VIETNAMESE STORIES AFTER THE VIETNAM WAR (1975)

Nguyen Van Kha

ABSTRACT

From the very beginning, people have always been seeking for the meaning of life and death. Beside discovering and explaining life phenomenon, another aspect is the respect, the admiration, and the holy values of life.

After 1975, Vietnamese stories (short stories, novels) reflect profoundly the phenomenon of life in the way of thinking and evaluating the traditional consciousness of Vietnam.

The article presents the manifestations of spiritual life in Vietnamese stories after 1975 in three points:

- 1. Fatherland, families, people with meritorious services to the community and people.*
- 2. The writer shows the sacredness in life.*
- 3. With the spiritual life, the artist reaches the "enlightenment", directed at the "great self" of the heart.*

Keywords: *Vietnamese Stories after the Vietnam War (1975), Spirituality, Fatherland, Ancestry, Family, Divinity*

Email: khanv@hiu.vn

Ngày nhận bài: 05/06/2019

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 03/09/2019

Ngày chấp nhận đăng: 16/09/2019